

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 1

TRƯỜNG DQB A TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành D140209 Sư phạm Toán học (trình độ ĐH liên thông từ CĐ)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DQB.A 00001	Nguyễn Thị Bé	02/01/97	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00150	D140209	6.50	5.50	5.50	17.50	17.50		TT
2	DQB.A 00002	Nguyễn Diễm Huyền	06/08/96	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00146	D140209	6.50	5.50	5.00	17.00	17.00		TT
3	DQB.A 00003	Ngô Quốc Khánh	26/04/96		Huyện Lệ Thủy	06	2NT	99. . 00154	D140209	7.00	6.00	7.00	20.00	20.00		TT
4	DQB.A 00004	Phan Tuấn Long	10/06/78		Huyện Quảng Trạch		2NT	99. . 00153	D140209	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00		TT
5	DQB.A 00005	Nguyễn Thị Luyên	20/09/97	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00148	D140209	7.50	7.00	6.00	20.50	20.50		TT
6	DQB.A 00006	Lê Thị Mai Ly	07/07/95	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00147	D140209	7.50	7.50	7.50	22.50	22.50		TT
7	DQB.A 00007	Hoàng Thị Nhung	20/12/92	Nữ	Huyện Lệ Thủy		2NT	99.99. 00155	D140209	6.50	7.50	9.00	23.00	23.00		TT
8	DQB.A 00008	Lê Đình Phong	21/08/97		Huyện Lệ Thủy		2NT	99. . 00151	D140209	6.50	8.00	7.50	22.00	22.00		TT
9	DQB.A 00009	Nguyễn Thị Phương	17/02/96	Nữ	Huyện Lệ Thủy		2NT	99. . 00152	D140209	6.50	7.50	9.00	23.00	23.00		TT
10	DQB.A 00011	Dương Thị Thoại	05/07/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00156	D140209	7.50	7.50	7.50	22.50	22.50		TT
11	DQB.A 00185	Nguyễn Thị Kim Oanh	19/10/96	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00189	D140209	6.00	6.00	5.00	17.00	17.00		TT

Cộng ngành D140209 : 11 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG DQBA : 11 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 2

TRƯỜNG DQB C TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành D140202 Giáo dục Tiểu học (trình độ ĐH liên thông từ CĐ)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DQB.C 00012	Lê Thị Kim	Anh	28/12/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		1	99.99. 00003	D140202	7.00	5.00	6.00	18.00	18.00		TT
2	DQB.C 00013	Đình Tuấn	Anh	03/09/95		Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00182	D140202	5.00	5.00	6.50	16.50	16.50		TT
3	DQB.C 00014	Hoàng Thị	Anh	28/09/96	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00018	D140202	5.00	5.00	5.50	15.50	15.50		TT
4	DQB.C 00015	Hoàng Thanh	Bình	14/08/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00054	D140202	7.50	5.75	7.00	20.25	20.50		TT
5	DQB.C 00017	Cao Huân	Chương	14/04/96		Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00021	D140202	7.00	5.50	6.50	19.00	19.00		TT
6	DQB.C 00018	Nguyễn Thị Kim	Cúc	19/10/96	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00080	D140202	8.00	6.00	8.00	22.00	22.00		TT
7	DQB.C 00019	Hoàng Quốc	Cường	15/04/96		Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00035	D140202	5.50	5.50	6.50	17.50	17.50		TT
8	DQB.C 00020	Lê Thị Thùy	Dung	20/05/96	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00029	D140202	5.00	6.50	8.00	19.50	19.50		TT
9	DQB.C 00021	Lê Nguyễn	Duy	28/02/96		Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00036	D140202	5.00	7.00	6.50	18.50	18.50		TT
10	DQB.C 00022	Cao Duy	Đức	28/09/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00020	D140202	7.50	5.00	6.00	18.50	18.50		TT
11	DQB.C 00023	Lê Thị Hương	Giang	26/06/95	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	99.99. 00007	D140202	8.00	6.00	8.00	22.00	22.00		TT
12	DQB.C 00024	Hoàng Thị Trà	Giang	08/08/96	Nữ	Huyện Lệ Thủy		2NT	99.99. 00050	D140202	7.00	5.00	8.50	20.50	20.50		TT
13	DQB.C 00025	Trương Thị Trà	Giang	01/10/96	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00078	D140202	6.00	6.75	7.00	19.75	20.00		TT
14	DQB.C 00026	Trần Thị	Hà	12/12/97	Nữ	Huyện Lệ Thủy		2NT	99.99. 00024	D140202	8.50	6.25	8.00	22.75	23.00		TT
15	DQB.C 00027	Phan Thị Ngọc	Hà	05/08/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00087	D140202	8.00	6.50	8.00	22.50	22.50		TT
16	DQB.C 00028	Đình Thị Mỹ	Hạnh	01/04/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00010	D140202	7.50	7.00	8.00	22.50	22.50		TT
17	DQB.C 00029	Nguyễn Thị	Hậu	16/12/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2	99.99. 00040	D140202	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00		TT
18	DQB.C 00030	Hoàng Thị Thu	Hằng	10/04/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00071	D140202	7.50	8.00	7.50	23.00	23.00		TT
19	DQB.C 00031	Nguyễn Thị	Hằng	01/11/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00023	D140202	8.00	6.50	6.50	21.00	21.00		TT
20	DQB.C 00032	Lê Thị	Hằng	08/08/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00006	D140202	8.00	5.50	7.50	21.00	21.00		TT
21	DQB.C 00033	Đình Trọng	Hiếu	22/01/97		Huyện Minh Hoá		1	99. . 00157	D140202	5.50	6.00	6.00	17.50	17.50		TT
22	DQB.C 00035	Nguyễn Thị	Hiên	01/10/97	Nữ	Huyện Lệ Thủy		1	99.99. 00064	D140202	8.00	7.00	8.00	23.00	23.00		TT
23	DQB.C 00036	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	12/03/96	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00025	D140202	7.50	7.50	7.50	22.50	22.50		TT
24	DQB.C 00038	Phạm Thị	Hồng	14/05/97	Nữ	Huyện Lệ Thủy		2NT	99.99. 00083	D140202	8.00	7.50	8.00	23.50	23.50		TT
25	DQB.C 00039	Nguyễn Văn	Huân	03/08/96		Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00055	D140202	7.50	6.00	8.00	21.50	21.50		TT
26	DQB.C 00040	Cao Thị Ngọc	Huyền	20/06/96	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00089	D140202	7.50	7.00	8.00	22.50	22.50		TT
27	DQB.C 00041	Nguyễn Thị	Huyền	16/01/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		1	99.99. 00164	D140202	8.00	7.50	8.00	23.50	23.50		TT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 3

TRƯỜNG DQB C TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành D140202 Giáo dục Tiểu học (trình độ ĐH liên thông từ CĐ)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
28	DQB.C 00042	Võ Thị	Huyền	16/08/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00085	D140202	8.50	8.50	7.50	24.50	24.50		TT
29	DQB.C 00043	Trương Quang	Hùng	17/03/96		Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00022	D140202	7.00	7.00	8.50	22.50	22.50		TT
30	DQB.C 00044	Đinh Thị Thu	Hương	26/10/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00004	D140202	6.50	6.50	7.00	20.00	20.00		TT
31	DQB.C 00045	Phan Thị Hồng	Hương	04/04/97	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00075	D140202	8.00	7.00	8.00	23.00	23.00		TT
32	DQB.C 00046	Lê Thị Diệu	Hương	16/01/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00066	D140202	7.00	6.50	8.00	21.50	21.50		TT
33	DQB.C 00047	Đinh Thị	Hương	21/06/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00076	D140202	5.00	7.00	6.50	18.50	18.50		TT
34	DQB.C 00048	Lê Thị	Hường	28/11/97	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99.99. 00063	D140202	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00		TT
35	DQB.C 00049	Lê Thị Vân	Kiều	04/11/97	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99.99. 00051	D140202	8.00	6.00	6.00	20.00	20.00		TT
36	DQB.C 00050	Nguyễn Thị	Lan	28/08/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00015	D140202	8.50	7.50	5.50	21.50	21.50		TT
37	DQB.C 00051	Phạm Thị	Lệ	16/06/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00043	D140202	7.50	5.50	6.50	19.50	19.50		TT
38	DQB.C 00052	Đinh Thị Nhật	Lệ	26/05/96	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00062	D140202	6.00	5.50	6.00	17.50	17.50		TT
39	DQB.C 00053	Hoàng Thị	Liên	08/01/96	Nữ	Huyện Bố Trạch	06	2NT	99. . 00014	D140202	8.50	7.00	8.00	23.50	23.50		TT
40	DQB.C 00054	Võ Thị	Liên	22/08/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00084	D140202	8.50	8.75	8.00	25.25	25.50		TT
41	DQB.C 00055	Lê Thùy	Linh	10/04/97	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00181	D140202	7.00	5.00	6.50	18.50	18.50		TT
42	DQB.C 00056	Trần Thị	Linh	01/06/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00031	D140202	7.50	6.00	8.00	21.50	21.50		TT
43	DQB.C 00057	Trương Thị Nhật	Linh	03/08/97	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99.99. 00077	D140202	8.00	6.50	6.50	21.00	21.00		TT
44	DQB.C 00058	Trần Thị	Linh	02/06/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00012	D140202	8.00	7.00	8.00	23.00	23.00		TT
45	DQB.C 00059	Trần Thị Thùy	Linh	16/05/96	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99. . 00158	D140202	7.50	8.50	7.00	23.00	23.00		TT
46	DQB.C 00060	Bùi Thị Khánh	Linh	26/12/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		1	99.99. 00038	D140202	8.00	7.75	8.50	24.25	24.50		TT
47	DQB.C 00061	Nguyễn Xuân	Linh	29/09/97		Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99.99. 00072	D140202	7.00	7.25	7.00	21.25	21.50		TT
48	DQB.C 00062	Phan Thị Mỹ	Linh	19/05/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		1	99.99. 00073	D140202	8.50	6.50	8.00	23.00	23.00		TT
49	DQB.C 00064	Hồ Thị Thùy	Linh	08/06/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00069	D140202	5.00	5.50	5.50	16.00	16.00		TT
50	DQB.C 00065	Đinh Thanh	Lịch	07/05/97		Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00026	D140202	5.50	6.00	8.00	19.50	19.50		TT
51	DQB.C 00066	Nguyễn Thị	Luyến	18/03/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00090	D140202	7.50	5.50	8.00	21.00	21.00		TT
52	DQB.C 00067	Nguyễn Thị	Ly	10/05/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		1	99.99. 00070	D140202	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00		TT
53	DQB.C 00068	Cao Thị Hải	Lý	12/10/96	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00074	D140202	5.00	7.25	8.00	20.25	20.50		TT
54	DQB.C 00069	Hoàng Thị Ngọc	Mai	14/02/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00027	D140202	5.00	5.25	7.00	17.25	17.50		TT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 4

TRƯỜNG DQB C TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành D140202 Giáo dục Tiểu học (trình độ ĐH liên thông từ CĐ)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
55	DQB.C 00070	Đinh Thị Hằng	Mơ	17/12/96	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00061	D140202	8.00	7.00	8.00	23.00	23.00		TT
56	DQB.C 00071	Tường Phương	Nam	22/11/96		Huyện Quảng Trạch		1	99.99. 00016	D140202	7.50	7.00	6.50	21.00	21.00		TT
57	DQB.C 00072	Nguyễn Thị Thanh	Nga	09/12/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		1	99.99. 00053	D140202	7.50	6.75	7.00	21.25	21.50		TT
58	DQB.C 00073	Cao Thị Hồng	Nga	03/08/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00067	D140202	7.50	5.50	8.00	21.00	21.00		TT
59	DQB.C 00074	Nguyễn Thị	Ngoan	13/08/97	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00165	D140202	7.50	6.50	6.50	20.50	20.50		TT
60	DQB.C 00075	Hồ Hồng	Ngọc	25/01/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00033	D140202	5.50	6.25	7.00	18.75	19.00		TT
61	DQB.C 00076	Phạm Thị Bích	Ngọc	03/07/97	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00034	D140202	5.50	6.00	8.00	19.50	19.50		TT
62	DQB.C 00077	Bùi Thị Minh	Nguyệt	08/11/96	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2	99.99. 00045	D140202	8.00	6.50	7.00	21.50	21.50		TT
63	DQB.C 00078	Đỗ Thị	Nhân	04/11/97	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99.99. 00082	D140202	7.50	6.50	8.00	22.00	22.00		TT
64	DQB.C 00080	Trần Thị Phương	Nhi	24/04/97	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00048	D140202	8.00	8.00	7.50	23.50	23.50		TT
65	DQB.C 00081	Hoàng Thị Yến	Nhi	07/10/96	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00091	D140202	7.50	7.50	7.50	22.50	22.50		TT
66	DQB.C 00082	Trần Thị Lâm	Oanh	03/07/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00049	D140202	7.00	6.50	8.00	21.50	21.50		TT
67	DQB.C 00083	Dương Thị	Oanh	16/06/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00030	D140202	8.00	6.50	6.50	21.00	21.00		TT
68	DQB.C 00084	Đinh Văn	Phú	28/09/95		Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00057	D140202	8.00	5.50	8.00	21.50	21.50		TT
69	DQB.C 00085	Đinh Thị Hoài	Phương	29/03/97	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00056	D140202	5.50	5.50	6.50	17.50	17.50		TT
70	DQB.C 00086	Trần Thị Lan	Phương	15/05/97	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00068	D140202	5.50	6.00	8.00	19.50	19.50		TT
71	DQB.C 00087	Hoàng Văn	Phước	29/03/97		Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99. . 00017	D140202	5.50	5.50	6.00	17.00	17.00		TT
72	DQB.C 00088	Đậu Thị Tố	Phượng	13/06/96	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00019	D140202	7.50	5.50	8.00	21.00	21.00		TT
73	DQB.C 00089	Nguyễn Vinh	Quang	10/07/97		Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00047	D140202	6.50	5.50	6.00	18.00	18.00		TT
74	DQB.C 00091	Trần Ngọc	Tâm	09/04/96	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00008	D140202	7.50	6.50	8.00	22.00	22.00		TT
75	DQB.C 00092	Trần Thị Thanh	Thanh	12/09/96	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00044	D140202	8.00	6.50	8.00	22.50	22.50		TT
76	DQB.C 00093	Lê Thị Phương	Thảo	20/11/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		1	99.99. 00009	D140202	8.00	6.50	8.00	22.50	22.50		TT
77	DQB.C 00094	Đinh Thị Bích	Thảo	10/12/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00011	D140202	8.00	6.25	8.00	22.25	22.50		TT
78	DQB.C 00096	Thái Thị Bích	Thủy	04/10/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00052	D140202	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50		TT
79	DQB.C 00097	Trần Thị	Thủy	20/05/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00058	D140202	6.00	6.50	8.00	20.50	20.50		TT
80	DQB.C 00098	Hồ Thị	Thương	11/06/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00013	D140202	5.50	6.50	6.50	18.50	18.50		TT
81	DQB.C 00099	Nguyễn Huyền	Trang	26/07/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00081	D140202	8.00	6.75	8.50	23.25	23.50		TT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 5

TRƯỜNG DQB C TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành D140202 Giáo dục Tiểu học (trình độ ĐH liên thông từ CĐ)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
82	DQB.C 00100	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/08/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		1	99.99. 00086	D140202	6.50	6.00	7.00	19.50	19.50		TT
83	DQB.C 00101	Nguyễn Thị Thu	Trang	09/06/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00065	D140202	8.00	6.50	6.50	21.00	21.00		TT
84	DQB.C 00102	Bùi Thị Ngọc	Trình	18/08/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00079	D140202	8.00	6.50	8.00	22.50	22.50		TT
85	DQB.C 00103	Trần Đức	Trường	10/06/96		Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00037	D140202	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00		TT
86	DQB.C 00104	Phạm Thị ánh	Tuyết	17/09/95	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00039	D140202	7.00	6.50	6.50	20.00	20.00		TT
87	DQB.C 00105	Châu Thị Hồng	Tú	26/03/75	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99.99. 00041	D140202	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50		TT
88	DQB.C 00107	Trần Thị Tường	Vi	20/08/95	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00005	D140202	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00		TT
89	DQB.C 00108	Nguyễn Thị Hồng	Viên	02/07/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		1	99.99. 00046	D140202	7.50	6.50	8.00	22.00	22.00		TT
90	DQB.C 00109	Hoàng Thị Hải	Yến	20/03/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00042	D140202	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00		TT
91	DQB.C 00180	Phạm Thị Hồng	Nhung	10/04/95	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00184	D140202	6.50	6.50	8.00	21.00	21.00		TT
92	DQB.C 00183	Nguyễn Thanh	Huyền	10/06/94	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00187	D140202	7.50	6.50	5.50	19.50	19.50		TT

Cộng ngành D140202 : 92 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG DQBC : 92 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 6

TRƯỜNG DQB D1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành D220201 Ngôn ngữ Anh (trình độ ĐH liên thông từ CĐ)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DQB.D1 00110	Hồ Thị Cam	18/02/95	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00136	D220201	5.25	8.50	9.75	23.50	23.50		TT
2	DQB.D1 00111	Phạm Thị Anh Đào	24/07/97	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00132	D220201	6.75	8.50	8.50	23.75	24.00		TT
3	DQB.D1 00112	Võ Thị Mỹ Hạnh	15/02/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00131	D220201	8.00	9.00	9.75	26.75	27.00		TT
4	DQB.D1 00113	Trần Thị ánh Hồng	13/07/92	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99. . 00135	D220201	6.50	8.00	9.25	23.75	24.00		TT
5	DQB.D1 00114	Nguyễn Thị Mai Hương	24/08/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00130	D220201	4.00	7.50	9.25	20.75	21.00		TT
6	DQB.D1 00115	Mai Thị Kiều Loan	10/02/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00129	D220201	5.00	6.00	9.50	20.50	20.50		TT
7	DQB.D1 00116	Trần Thị Hồng Luyến	22/02/97	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00127	D220201	5.25	9.00	9.75	24.00	24.00		TT
8	DQB.D1 00117	Nguyễn Thị Nguyệt	27/09/88	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99. . 00134	D220201	8.00	8.50	9.50	26.00	26.00		TT
9	DQB.D1 00118	Nguyễn Thị Như Quỳnh	04/02/97	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00133	D220201	7.00	8.75	9.75	25.50	25.50		TT
10	DQB.D1 00119	Lê Thị Phương Thảo	15/01/97	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99.99. 00128	D220201	6.00	6.25	8.75	21.00	21.00		TT
11	DQB.D1 00120	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	07/06/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00126	D220201	6.50	8.25	9.75	24.50	24.50		TT

Cộng ngành D220201 : 11 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG DQBD1 : 11 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 7

TRƯỜNG DQB D2 TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành D340301 ĐH Kế toán (trình độ ĐH liên thông từ CĐ)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DQB.D2 00123	Hoàng Thị Thúy	Hằng	07/09/97	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99. . 00140	D340301	8.00	7.00	8.25	23.25	23.50		TT
2	DQB.D2 00124	Trần Thị	Hương	04/07/89	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99. . 00137	D340301	7.75	6.75	7.75	22.25	22.50		TT
3	DQB.D2 00125	Trần Thị Hồng	Nga	15/10/97	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00141	D340301	7.25	6.50	8.50	22.25	22.50		TT
4	DQB.D2 00126	Nguyễn Hoàng	Ngọc	26/02/90	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99. . 00142	D340301	7.25	7.00	7.75	22.00	22.00		TT
5	DQB.D2 00127	Trần Thị	Phương	03/11/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00138	D340301	7.25	6.25	8.00	21.50	21.50		TT
6	DQB.D2 00128	Lê Thị	Thủy	24/04/96	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00139	D340301	7.75	7.75	8.00	23.50	23.50		TT
7	DQB.D2 00129	Hồ Thị ánh	Tuyết	29/07/93	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99. . 00144	D340301	7.75	7.00	7.25	22.00	22.00		TT
8	DQB.D2 00130	Đinh Thị Hoài	Vi	05/06/97	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00162	D340301	8.00	6.50	8.50	23.00	23.00		TT

Cộng ngành D340301 : 8 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG DQBD2 : 8 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 8

TRƯỜNG DQB D3 TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành V220201 Ngôn ngữ Anh (Văn bằng 2)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DQB.D3 00131	Lê Thái An	19/09/86		Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00174	V220201	8.50	8.00	.	16.50	16.50		TT
2	DQB.D3 00132	Mai Tú Anh	30/03/86	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00113	V220201	8.00	7.75	.	15.75	16.00		TT
3	DQB.D3 00134	Hồ Tân Cảnh	08/03/73		Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00175	V220201	8.00	7.00	.	15.00	15.00		TT
4	DQB.D3 00135	Trương Văn Chung	01/04/82		Huyện Bố Trạch		1	99.99. 00114	V220201	9.00	6.75	.	15.75	16.00		TT
5	DQB.D3 00136	Phạm Khánh Dương	02/09/82	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00178	V220201	9.00	6.50	.	15.50	15.50		TT
6	DQB.D3 00137	Phan Tuấn Giang	08/07/89		Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00118	V220201	7.50	6.50	.	14.00	14.00		TT
7	DQB.D3 00139	Đặng Đông Hà	17/12/73		Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00171	V220201	8.50	7.25	.	15.75	16.00		TT
8	DQB.D3 00140	Phạm Thị Hồng Hạnh	18/05/91	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00124	V220201	9.00	7.00	.	16.00	16.00		TT
9	DQB.D3 00141	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/08/86	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00172	V220201	8.50	6.50	.	15.00	15.00		TT
10	DQB.D3 00143	Bùi Xuân Hoàng	30/10/81		Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00169	V220201	8.50	6.50	.	15.00	15.00		TT
11	DQB.D3 00144	Đặng Đức Hoàng Lan	20/11/93	Nữ	Thị xã Ba Đồn		2	99.99. 00123	V220201	9.00	6.75	.	15.75	16.00		TT
12	DQB.D3 00145	Võ Khánh Linh	08/10/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00117	V220201	9.00	7.00	.	16.00	16.00		TT
13	DQB.D3 00147	Hồ An Phong	23/10/71		Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00166	V220201	9.00	5.75	.	14.75	15.00		TT
14	DQB.D3 00149	Võ Khắc Sơn	04/07/81		Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00125	V220201	8.50	8.50	.	17.00	17.00		TT
15	DQB.D3 00150	Hồ Trung Thành	04/02/86		Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00122	V220201	9.00	7.25	.	16.25	16.50		TT
16	DQB.D3 00151	Bùi Thị Thanh Thúy	30/10/78	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00167	V220201	9.00	7.00	.	16.00	16.00		TT
17	DQB.D3 00152	Trần Hữu Bảo Toàn	07/08/93		Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00121	V220201	9.00	6.75	.	15.75	16.00		TT
18	DQB.D3 00153	Nguyễn Hoàng Quỳnh Trang	04/05/81	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00183	V220201	9.00	6.75	.	15.75	16.00		TT
19	DQB.D3 00154	Hà Minh Tuấn	26/02/81		Huyện Lệ Thủy		2	99.99. 00173	V220201	9.00	7.00	.	16.00	16.00		TT
20	DQB.D3 00155	Trần Thị Vân	08/03/75	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2	99.99. 00168	V220201	9.00	6.50	.	15.50	15.50		TT

Cộng ngành V220201 : 20 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG DQBD3 : 20 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 9

TRƯỜNG DQB D4 TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** Ngành V140213 ĐHSP Sinh học (văn bằng 2)*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DQB.D4 00157	Phạm Thị Len Ka	02/09/88	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00179	V140213	8.00	8.25	.	16.25	16.50		TT
2	DQB.D4 00158	Lê Thị Lan Nhung	02/08/95	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00180	V140213	8.00	8.25	.	16.25	16.50		TT

*Cộng ngành V140213 : 2 thí sinh***CỘNG TRƯỜNG DQBD4 : 2 THÍ SINH**

NGÀY THÁNG NĂM

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2018

Trang 10

TRƯỜNG DQB M TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

* Ngành D140201 Giáo dục Mầm non (trình độ ĐH liên thông từ CĐ)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DQB.M 00159	Đinh Thị Ngọc	Anh	29/01/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00176	D140201	6.00	7.50	8.00	21.50	21.50		TT
2	DQB.M 00160	Bùi Thị Hồng	Cẩm	24/09/97	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	99.99. 00093	D140201	7.50	8.00	8.00	23.50	23.50		TT
3	DQB.M 00161	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	01/06/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		1	99.99. 00103	D140201	7.50	8.00	7.50	23.00	23.00		TT
4	DQB.M 00162	Ngô Thị	Hoa	15/06/96	Nữ	Huyện Lệ Thuỷ		2NT	99.99. 00108	D140201	7.50	6.00	7.50	21.00	21.00		TT
5	DQB.M 00163	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/02/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00106	D140201	6.50	7.00	6.50	20.00	20.00		TT
6	DQB.M 00164	Hà Ngọc Diệu	Mai	09/11/97	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00104	D140201	6.50	8.00	7.00	21.50	21.50		TT
7	DQB.M 00165	Lê Thị	Nga	18/08/96	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00110	D140201	7.00	7.50	7.50	22.00	22.00		TT
8	DQB.M 00167	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21/01/97	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00099	D140201	6.00	7.50	7.25	20.75	21.00		TT
9	DQB.M 00168	Nguyễn Thị	Ngọc	25/07/95	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00094	D140201	7.00	7.00	7.50	21.50	21.50		TT
10	DQB.M 00169	Phan Thị Tuyết	Nhung	14/10/97	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00112	D140201	7.50	7.00	7.75	22.25	22.50		TT
11	DQB.M 00170	Lê Thị Hồng	Nhung	04/07/97	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00100	D140201	7.50	8.00	7.75	23.25	23.50		TT
12	DQB.M 00171	Lê Thị Mỹ	Nương	29/09/91	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	99.99. 00098	D140201	6.50	7.00	7.75	21.25	21.50		TT
13	DQB.M 00172	Đinh Thị Kiều	Oanh	25/08/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00105	D140201	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50		TT
14	DQB.M 00173	Võ Thị	Thủy	05/09/96	Nữ	Huyện Quảng Ninh		2NT	99.99. 00097	D140201	7.00	7.75	8.00	22.75	23.00		TT
15	DQB.M 00174	Trần Thị Tây	Trang	13/09/97	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00107	D140201	7.00	7.00	7.50	21.50	21.50		TT
16	DQB.M 00175	Đặng Thị Thu	Trang	28/02/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00109	D140201	6.50	6.25	7.50	20.25	20.50		TT
17	DQB.M 00176	Đinh Thị ánh	Tuyết	12/01/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00102	D140201	5.50	5.50	6.00	17.00	17.00		TT
18	DQB.M 00177	Hoàng Thị Hồng	Vân	13/06/97	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	99.99. 00096	D140201	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50		TT
19	DQB.M 00178	Đinh Thị ánh	Vân	01/03/97	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00101	D140201	5.00	7.00	7.25	19.25	19.50		TT
20	DQB.M 00179	Nguyễn Thị Thúy	Vân	21/02/96	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	99.99. 00092	D140201	7.00	8.00	8.00	23.00	23.00		TT
21	DQB.M 00184	Phan Thị Thùy	Linh	10/10/95	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	99.99. 00188	D140201	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00		TT

Cộng ngành D140201 : 21 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG DQBM : 21 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH